

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 35/2017/DS - ST

Ngày 28/8/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương - Cán bộ phòng văn hóa và thông tin quận S.

2. Bà Trần Thị Nhớ - Cán bộ phòng nội vụ quận S.

- Thư ký phiên tòa: Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 55/2017/TLST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 69/2017/QĐST-DS ngày 11/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần V (V Bank)**; địa chỉ: Tầng 1-7 tòa nhà Thủ Đô, số 72 phố Trần Hưng Đạo, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng quản trị. Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông Lê Hiền T - Chức vụ: Trưởng Phòng Thu Hồi Nợ Pháp Lý kiêm Quản Lý Pháp Chế cho Phòng An Ninh và Phòng Kiểm soát Gian lận, Phòng Thu Hồi Nợ Pháp Lý, Trung Tâm Thu Hồi Nợ - Khôi Tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng TMCP V, văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10/8/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngày 20/3/2017, ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho bà Võ Thị L, văn bản ủy quyền số 1796/2017/UQ - GDK - TDTD ngày 20 tháng 3 năm 2017. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T - sinh năm: 1968; trú tại: Tổ 14, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:*

Vào ngày 24.6.2013 ông Trần Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng số 20130622-142006-0001 với Ngân hàng thương mại cổ phần V vay số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Trần Ngọc T có trách nhiệm thanh toán số tiền là 59.761.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong 30 tháng. 29 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.964.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.805.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 01.8.2013. Thực hiện hợp đồng, ông T đã trả cho Ngân hàng được 15 lần với số tiền là 29.460.000 đồng. Kể từ ngày 23.6.2015, ông T không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng dù chúng tôi đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc T thanh lý hợp đồng theo phương thức sau: Trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là: 30.301.000 đồng (trong đó nợ gốc 20.884.894 đồng, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 20.3.2017 là 9.416.106 đồng).

* Bị đơn Ông Trần Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Trần Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Trần Ngọc T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại “Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số 20130622-142006-0001 ngày 24.6.2013, có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần V cho ông Trần Ngọc T vay số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Trần Ngọc T có trách nhiệm thanh toán số tiền là 59.761.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong 30 tháng. 29 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.964.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.805.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 01.8.2013. Thực hiện hợp đồng, ông T đã trả cho Ngân

hàng được 15 lần với số tiền là 29.460.000 đồng. Kể từ ngày 23.6.2015, ông T không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc T thanh lý hợp đồng theo phương thức sau: Trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là: 30.301.000 đồng (trong đó nợ gốc 20.884.894 đồng, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 20.3.2017 là 9.416.106 đồng).

Ngoài khoản tiền lãi đã yêu cầu, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính thêm khoản tiền lãi nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 20130622-142006-0001 ngày 24.6.2013, được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Trần Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Ngọc T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm phân kỳ kỳ trả nợ. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu ông T trả nợ nhưng đến nay ông T vẫn không trả được nợ. Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ngọc T phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với Điều khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tính dụng năm 2010; Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đề nghị ngoài khoản tiền lãi đã yêu cầu, kể từ sau ngày 20.3.2017 Ngân hàng không yêu cầu tính thêm khoản tiền lãi nào khác theo hợp đồng, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Ngọc T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Trần Ngọc T phải chịu là $(30.301.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.515.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 757.525 đồng theo biên lai thu số 01669 ngày 12/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Trần Ngọc T.

Xử:

1. Buộc ông Trần Ngọc T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 30.301.000 đồng (trong đó nợ gốc 20.884.894 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 20.3.2017 là 9.416.106 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS - ST: 1.515.000 đồng ông Trần Ngọc T phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 757.525 đồng theo biên lai thu số 01669 ngày 12/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S ;
- Chi cục THA dân sự quận S ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

